

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 19

Chương 7: ĐỊNH UẨN

Phẩm 5: BÀN VỀ NHẤT HẠNH

*Một hành trải qua sáu-bảy tu,
Đoạn-chánh tánh ly sinh-hai trí,
Hai niềm vui khác với hai khởi,
Tướng nghe thấy trong định-xuất định,
Định-bất định và những giác chi,
Đoạn-biết khắp-thiên nhân-thiên nhĩ,
Lui sứt-đạt được-năm thông-quả,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Ba Tam-ma-địa là Không-Vô nguyện, Vô tướng.

Hỏi: Nếu thành tựu Không thì thành tựu Vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện thì thành tựu Không chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không thì thành tựu Vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng thì thành tựu Không chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện thì thành tựu Vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng thì thành tựu Vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Không vị lai
chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không vị lai thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không vị lai thì thành tựu Không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại thì thành tựu Không vị lai chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Không hiện tại-vị lai chẳng?

Đáp: Vị lai thành tựu, hiện tại, nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại-vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không vị lai, thì thành tựu Không hiện tại-quá khứ chẳng?

Đáp: Có thành tựu Không vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại. Thành tựu Không vị lai-quá khứ mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không vị lai-hiện tại-quá khứ.

Thành tựu Không vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, nghĩa là đã đạt được không chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất, không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không vị lai-quá khứ mà không phải là hiện tại, nghĩa là Không đã diệt không mất, không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, nghĩa là không hiện ở trước mắt và chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Thành tựu Không vị lai-hiện tại-quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất, hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại-quá khứ, thì thành tựu Không vị lai chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không hiện tại thì thành tựu Không quá khứ, vị lai chẳng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, vị lai, thì thành tựu Không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước mắt.

Như đối với không; Vô nguyên và Vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyên quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyên quá khứ, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyên vị lai chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyên vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyên hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyên hiện tại, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyên quá khứ-hiện tại chẳng?

Đáp: có thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô nguyên

quá khứ-hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện quá khứ mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện hiện tại mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không quá khứ cũng thành tựu Vô nguyện hiện tại-quá khứ.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô nguyện quá khứ-hiện tại, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô nguyện chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất, không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện quá khứ mà không phải là hiện tại, nghĩa là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện hiện tại mà không phải là quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô nguyện hiện ở trước mắt chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô nguyện hiện tại-quá khứ, nghĩa là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại, thì thành tựu Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyện hiện tại-vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện hiện tại-vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô nguyện quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thì thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện quá khứ, vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại-vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện vị lai mà

không phải là quá khứ-hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện hiện tại-vị lai mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện quá khứ, vị lai mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại-vị lai.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô nguyện chưa diệt, giả sử đã diệt rồi mất, không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện hiện tại-vị lai mà không phải là quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô nguyện hiện ở trước mắt, chưa diệt, giả sử diệt rồi mất.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô nguyện quá khứ, vị lai mà không phải là hiện tại, nghĩa là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại-vị lai, nghĩa là Không-Vô nguyện đã diệt không mất, Vô nguyện hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô nguyện quá khứ-hiện tại-vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Vô tướng quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng quá khứ thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Vô tướng vị lai chẳng?

Đáp: Nếu đạt được.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng vị lai thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Vô tướng hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng hiện tại thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ thì thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại chẳng?

Đáp: Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng quá khứ mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không quá khứ; thành tựu Vô tướng hiện tại mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ-hiện tại, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô tướng chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất chứ không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ; thành tựu Vô tướng quá khứ mà không phải là hiện tại, nghĩa là không, Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ; thành tựu Vô tướng hiện tại mà không phải là quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất; Vô tướng hiện ở trước mắt, chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng hiện tại-quá khứ, nghĩa là không, Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai chẳng?

Đáp: Có thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng hiện tại-vị lai. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng vị lai mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng hiện tại-vị lai, nghĩa là không đã diệt không mất, chưa đạt được Vô tướng.

Thành tựu Không quá khứ; thành tựu Vô tướng vị lai mà không phải là hiện tại, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô tướng không

hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô tướng đã đạt được nhưng không hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai chẳng?

Đáp: Có thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ, vị lai. Thành tựu Không quá khứ; thành tựu Vô tướng vị lai mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai.

Thành tựu Không quá khứ mà không phải là Vô tướng quá khứ, vị lai, nghĩa là không đã diệt không mất, chưa đạt được Vô tướng.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng vị lai mà không phải là quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất, đã đạt được Vô tướng chưa diệt, giả sử diệt rồi mất.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai, nghĩa là không, Vô tướng đã diệt không mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Không quá khứ, thì thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai chẳng?

Đáp: Có thành tựu Không quá khứ mà không thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai mà không phải là quá khứ. Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai mà không phải là hiện tại. Thành tựu Không quá khứ cũng thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai.

Thành tựu Không quá khứ mà không thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô tướng chưa đạt được.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng vị lai mà không

phải là quá khứ-hiện tại, nghĩa là không đã diệt không mất, đạt được Vô tướng chưa diệt, giả sử diệt rồi mất, không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, thành tựu Vô tướng hiện tại-vị lai mà không phải là quá khứ, nghĩa là không đã diệt không mất, Vô tướng hiện ở trước mắt, chưa diệt, giả sử diệt rồi mất.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng quá khứ, vị lai mà không phải là hiện tại, nghĩa là không, Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng không hiện ở trước mắt.

Thành tựu Không quá khứ, cũng thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai, nghĩa là không, Vô tướng đã diệt không mất, Vô tướng hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Vô tướng quá khứ-hiện tại-vị lai, thì thành tựu Không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất, thì thành tựu, hoặc chưa diệt, giả sử đã diệt mà mất thì không thành tựu.

Như không đối với Vô tướng nên biết, Vô nguyện đối với Vô tướng cũng như vậy. Như bảy tiểu, nên biết bảy tiểu cũng như vậy.

Sai biệt là dùng hai đối với một, như dùng không quá khứ, Vô nguyện quá khứ đối với Vô tướng quá khứ có bảy.

Hỏi: Nếu tu Không thì tu Vô nguyện chẳng? Nếu tu Vô nguyện thì tu không?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu không mà không phải Vô nguyện, nghĩa là đã đạt được không hiện ở trước mắt.

2. Có tu Vô nguyện mà không phải không, nghĩa là đã đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt hoặc chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, nhưng không tu không.

3. Có tu không cũng tu Vô nguyện, nghĩa là chưa đạt được không hiện ở trước mắt thì tu Vô nguyện, hoặc chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, thì tu không, hoặc chưa đạt được Vô tướng và chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, thì tu Không-Vô nguyện.

4. Không tu không, cũng không tu Vô nguyện, nghĩa là đã đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt nhưng không tu Không-Vô nguyện. Hoặc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt nhưng không tu Không-Vô nguyện. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi Vô tướng thiên.

Hỏi: Nếu tu không thì tu Vô tướng chẳng? Nếu hay tu Vô tướng

thì tu không chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu không mà không phải là Vô tướng, nghĩa là đã đạt được không hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được không hiện ở trước mắt, nhưng không tu Vô tướng. Hoặc chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, nhưng tu không chứ không phải là Vô tướng.

2. Có tu Vô tướng mà không phải là không, nghĩa là đã đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, nhưng không tu không.

3. Có tu không cũng tu Vô tướng, nghĩa là chưa đạt được không hiện ở trước mắt, tu Vô tướng, hoặc chưa đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, nhưng tu không, hoặc chưa đạt được Vô nguyện và chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, mà tu không, Vô tướng.

4. Không tu không, cũng không tu Vô tướng, nghĩa là đã đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt nhưng không tu không, Vô tướng, hoặc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt nhưng không tu không, Vô tướng. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi Vô tướng thiên.

Hỏi: Nếu tu Vô nguyện thì tu Vô tướng, hay tu Vô tướng thì tu Vô nguyện chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu Vô nguyện, không phải là Vô tướng, nghĩa là đã đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, và chưa đạt được không hiện ở trước mắt, nhưng không tu Vô tướng.

2. Có tu Vô tướng, không phải Vô nguyện, nghĩa là đã đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, nhưng không tu Vô nguyện.

3. Có tu Vô nguyện cũng tu Vô tướng, nghĩa là chưa đạt được Vô nguyện hiện ở trước mắt, thì tu Vô tướng, hoặc chưa đạt được Vô tướng hiện ở trước mắt, mà tu Vô nguyện, hoặc chưa đạt được không và chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, mà tu Vô nguyện, Vô tướng.

4. Không tu Vô nguyện, cũng không tu Vô tướng, nghĩa là đã đạt được không và thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt nhưng không tu Vô nguyện, Vô tướng. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi Vô tướng thiên.

Hỏi: Có thể có kiết không mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có kiết Vô nguyện mà đoạn chứ không phải là không, Vô tướng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là kiết do kiến tập-kiến đạo mà đoạn, Vô nguyện đoạn.

Hỏi: Có thể có kiết Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Không-Vô nguyện chăng?

Đáp: Có, nghĩa là kiết do kiến diệt mà đoạn Vô tướng đoạn.

Hỏi: Có thể có kiết Không-Vô nguyện đoạn chứ không phải là Vô tướng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là kiết do kiến khổ mà đoạn, Không-Vô nguyện đoạn.

Hỏi: Có thể có kiết không, Vô tướng mà đoạn, không phải Vô nguyện chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có kiết Vô nguyện, Vô tướng mà đoạn, không phải là không chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có kiết do Không-Vô nguyện, Vô tướng mà đoạn chăng?

Đáp: Có, nghĩa là kiết do học kiến tích tu mà đoạn, Không-Vô nguyện-Vô tướng đoạn.

Hỏi: Có kiết không phải do Không-Vô nguyện-Vô tướng đoạn mà chính nó đã đoạn chăng?

Đáp: Có, nghĩa là kiết do phàm phu mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là tác ý nhập chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hoặc tư duy về vô thường, hoặc Khổ, hoặc không, hoặc Vô ngã.

Hỏi: Hành hệ thuộc cõi nào nhập chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Tận trí nên nói là đối với thân thuận theo thân, quán niệm trụ chăng? Cho đến nên nói đối với pháp, thuận theo pháp, quán niệm trụ chăng?

Đáp: Tận trí nên nói hoặc đối với thân thuận theo thân, quán niệm trụ. Hoặc đối với thọ, hoặc đối với tâm, hoặc đối với pháp, thuận theo pháp quán niệm trụ. Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Hỏi: Những niềm vui vô lậu của tĩnh lự thứ nhất, những niềm vui

của các giác chi như khinh an..., hai niềm vui này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Những niềm vui vô lậu của tĩnh lự thứ hai, những niềm vui của các giác chi như khinh an..., hai niềm vui này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Nếu từ đẳng trì xuất, thì đó là sở duyên chẳng? Giả sử từ sở duyên xuất, thì đó là đẳng trì chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có từ đẳng trì xuất mà không phải là sở duyên, nghĩa là như có một tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy lại tư duy về tướng ấy mà nhập tĩnh lự thứ hai.

2. Có từ sở duyên xuất mà không phải là đẳng trì, nghĩa là như có một tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy không xuất tĩnh lự thứ nhất, lại tư duy về tướng khác.

3. Có từ đẳng trì xuất cũng là sở duyên, nghĩa là như có một tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy lại tư duy về tướng khác mà nhập tĩnh lự thứ hai.

4. Không phải từ đẳng trì xuất cũng không phải sở duyên, nghĩa là như có một tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất, dừng lại rồi trải qua nhiều thời gian.

Như nói: “Bí-sô! Cho đến tướng định, có năng lực thấu triệt Thánh chỉ, đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Hỏi: Đệ tử ấy dựa vào định nào mà đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Vô lậu thuộc Vô sở hữu xứ .

Như Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: “Hiền giả! Tôi tự nhớ lại, đã trụ định Vô sở hữu xứ, ở bên ao Mạn đà chỉ ni, nghe tiếng gầm rống của rất nhiều loài voi và rống”.

Hỏi: Tôn giả lúc ấy là nghe trong định hay là nghe lúc khởi định?

Đáp: Khởi định mà nghe chứ không phải là ở trong định.

Hỏi: Đối với bất định, tất cả bất định đó không phải là thông tuệ mà thuộc về vô minh chẳng?

Đáp: Các bất định, tất cả bất định đó không phải là thông tuệ mà thuộc về vô minh.

Có lúc không phải là thông tuệ, thuộc về vô minh mà không phải bất định, nghĩa là tà định.

Hỏi: Đối với định, tất cả định đó là thông tuệ, thuộc về minh chẳng?

Đáp: Các thông tuệ, thuộc về minh, tất cả tuệ minh ấy là định Có

định mà định ấy không phải là thông tuệ, thuộc về vô minh, nghĩa là tà định.

Hỏi: Đối với bất định, hầu hết bất định đó đều không thành tựu các giác chi chăng?

Đáp: Đối với các bất định, tất cả bất định ấy không thành tựu các giác chi. Có lúc không thành tựu các giác chi mà không phải bất định, nghĩa là tà định.

Hỏi: Đối với định, tất cả định đó đều thành tựu các giác chi chăng?

Đáp: Đối với định, tất cả định đó đều thành tựu các giác chi. Có định mà không thành tựu các giác chi, nghĩa là tà định.

Hỏi: Đối với việc thành tựu các giác chi đó là thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Những thành tựu về các giác chi, đó là thành tựu pháp vô lậu. Có thành tựu pháp vô lậu nhưng không phải là các giác chi, nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Đối với việc không thành tựu các giác chi, đó là không thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đều thành tựu pháp vô lậu. Không thành tựu về các giác chi, nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Vào lúc đạt được các giác chi, lúc ấy đạt được pháp vô lậu chăng?

Đáp: Vào lúc đạt được các giác chi, lúc ấy đạt được pháp vô lậu. Có lúc đạt được pháp vô lậu nhưng không phải là các giác chi, đó là những phàm phu.

Hỏi: Vào lúc xả các giác chi, lúc ấy xả pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không hoàn toàn xả các giác chi, cũng không hoàn toàn xả pháp vô lậu.

Hỏi: Vào lúc lui sụt các giác chi, lúc ấy lui sụt pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không hoàn toàn lui sụt các giác chi, cũng không có hoàn toàn lui sụt pháp vô lậu.

Hỏi: Vào lúc chưa đoạn, lúc ấy chưa biết khắp chăng?

Đáp: Vào lúc chưa biết khắp, thì lúc ấy là chưa đoạn. Có lúc chưa đoạn nhưng không phải là chưa biết khắp, nghĩa là nếu trí biết khắp vì đã biết khắp chứ không phải là đoạn, biết khắp vốn là đã đoạn.

Hỏi: Vào lúc đã đoạn, lúc ấy đã biết khắp chăng?

Đáp: Vào lúc đã đoạn lúc ấy đã biết khắp. Có lúc đã biết khắp

nhưng không phải là đã đoạn, nghĩa là như trí biết khắp vốn là đã biết khắp chứ không phải là đoạn, biết khắp vốn là đã đoạn.

Hỏi: Có những người vào đời này mắt không thấy sắc, người ấy dựa vào pháp nào dẫn phát thiên nhãn?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh, nghĩ nhớ trước kia trong đời khác, mắt đã từng trông thấy sắc, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn phát thiên nhãn.

Hỏi: Có những người vào đời này tai không nghe tiếng, người ấy đã dựa vào pháp nào dẫn phát thiên nhĩ?

Đáp: Như có một người đạt được tự tánh sinh, nghĩ nhớ trước kia trong đời khác, tai đã từng nghe tiếng, người ấy dựa vào đây cho nên dẫn phát thiên nhĩ.

Hỏi: Vì sao khi phạm phu thoái lui thì tăng thêm kiết do kiến-tu mà đoạn? Khi đệ tử của Đức Thế Tôn lui sụt chỉ tăng thêm kiết do tu mà đoạn?

Đáp: Phạm phu dùng đạo này để đoạn kiết do kiến mà đoạn, thì dùng đạo này để đoạn kiết do tu mà đoạn cho nên khi phạm phu lui sụt, hai kiết đều tăng thêm. Đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do kiến mà đoạn, quyết định không lui sụt đối với đạo này, lại dùng đạo khác để đoạn kiết do tu mà đoạn. Phạm phu kia đối với đạo khác có lui sụt hoặc không lui sụt. Đệ tử của Đức Thế Tôn, giả sử dùng đạo này đoạn kiết do kiến mà đoạn, cũng dùng đạo này để đoạn kiết do tu mà đoạn, nên các đệ tử của Đức Thế Tôn cũng không lui sụt.

Hỏi: Vì lẽ gì ba quả trên có lui sụt mà không phải là quả Dự lưu?

Đáp: Kiết do tu mà đoạn dựa vào sự có dấy khởi, nghĩa là có tướng tịnh, có tướng bất tịnh. Thánh giả kia do tác ý phi lý khi quán tướng tịnh, thế là lui sụt đối với tướng bất tịnh. Kiết do kiến mà đoạn dựa vào sự không có dấy khởi, không có một pháp nào là ngã-ngã sở, có thể khiến cho Thánh giả kia lui sụt khi quán về kiến chấp vô ngã.

Hỏi: Khi lui sụt ba quả trên, những điều đạt được về căn-lậu vô lậu-giác chi-đạo chi, nên nói là đã từng được mà được, hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là đã từng được mà được.

Hỏi: Khi mất ở cõi Vô sắc, sinh cõi Dục, các uẩn-giới-xứ đã đạt được, với căn thiện-bất thiện-vô ký, tùy miên kiết-phược, tùy phiền não triền, nên nói là đã từng được mà được, hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-ô nhiễm đã từng được mà được, pháp dị thực chưa từng được mà được.

Hỏi: Khi mất ở cõi Vô sắc, sinh cõi Sắc, các uẩn-giới-xứ đã đạt được, với căn thiện, vô ký, tùy miên kiết, phược, tùy phiền não triền, nên nói là đã từng được mà được, hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện-ô nhiễm đã từng được mà được, pháp dị thực chưa từng được mà được.

Khi mất ở cõi Sắc, sinh cõi Dục, các uẩn-giới-xứ ... đã đạt được, như đã nói mất ở cõi Vô sắc, sinh cõi Dục.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo thần cảnh thông, lúc ấy xa nhất là đến nơi nào xa?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo thiên nhĩ thông, lúc ấy xa nhất là đến nơi nào xa hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo tha tâm thông, lúc ấy biết xa nhất là tâm-tâm sở pháp hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo túc trụ tùy niệm thông, lúc ấy nhớ lại xa nhất là sự việc của túc trụ hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo thiên nhãn thông, lúc ấy nhìn thấy xa nhất là sắc hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Như dựa vào tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào tĩnh lự thứ tư, mỗi tĩnh lự đều tùy thuộc xứ mình, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với khổ tư duy về khổ, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy đến khổ hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với tập, tư duy về tập, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy đến tập hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Tập thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với diệt tư duy về diệt, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy đến các hành diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc các hành diệt hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với đạo, tư duy về đạo, đạt được quả A-la-hán, thì lúc ấy tư duy đến các hành có năng lực đoạn đạo hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc các hành có năng lực đoạn đạo hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Chương 8: **KIỆT UẨN***Phẩm 1: BÀN VỀ NIỆM TRỤ*

*Niệm trụ tất cả có sáu môn,
 Biết đúng như thật có tám phân,
 Tham-sân-si có tăng và giảm,
 Tử-thọ-tâm cùng với Niết-bàn,
 Đệ tử mà lại Niết-bàn trước,
 Phật Niết-bàn sau và xuất định,
 Bốn hữu-ba hữu cùng với hành,
 Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.
 Bốn niệm trụ là thân-thọ-tâm-pháp niệm trụ.*

Hỏi: Nếu tu thân niệm trụ là thì lúc ấy là thọ niệm trụ chăng? Nếu tu thọ niệm trụ thì lúc ấy là thân niệm trụ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu thân niệm trụ mà không tu thọ niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thân niệm trụ hiện ở trước mắt.

2. Có tu thọ niệm trụ mà không tu thân niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thọ niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thọ niệm trụ hiện ở trước mắt, nhưng không tu thân niệm trụ, hoặc chưa đạt được tâm, pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, nhưng u thọ niệm trụ chứ không tu thân niệm trụ.

3. Có tu thân niệm trụ, cũng tu thọ niệm trụ, nghĩa là chưa đạt được thân niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thọ niệm trụ hiện ở trước mắt, mà tu thân.

4. Không tu thân niệm trụ cũng không tu thọ niệm trụ, nghĩa là đã đạt được tâm-pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc mà không tu thân, thọ. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh Vô tướng thiên.

Như thân niệm trụ đối với thọ niệm trụ, thân niệm trụ đối với tâm niệm trụ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tu thân niệm trụ thì lúc ấy là pháp niệm trụ chăng? Nếu tu pháp niệm trụ thì lúc là thân niệm trụ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu thân niệm trụ mà không tu pháp niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thân niệm trụ hiện ở trước mắt.

2. Có tu pháp niệm trụ mà không tu thân niệm trụ, nghĩa là đã đạt

được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, nhưng không tu thân niệm trụ, hoặc chưa đạt được tâm, thọ niệm trụ hiện ở trước mắt, nhưng tu pháp niệm trụ mà không tu thân niệm trụ.

3. Có tu thân niệm trụ, cũng tu pháp niệm trụ, nghĩa là chưa đạt được thân niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, mà tu thân, hoặc chưa đạt được thọ, tâm niệm trụ hiện ở trước mắt, mà tu thân, pháp.

4. Không tu thân niệm trụ, cũng không tu pháp niệm trụ, nghĩa là đã đạt được tâm-thọ niệm trụ hiện ở trước mắt. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh vô tướng thiên.

Hỏi: Nếu tu thọ niệm trụ thì lúc ấy là tâm niệm trụ chăng? Nếu tu tâm niệm trụ thì lúc ấy là thọ niệm trụ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu thọ niệm trụ mà không tu tâm niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thọ niệm trụ hiện ở trước mắt.

2. Có tu tâm niệm trụ mà không tu thọ niệm trụ, nghĩa là đã đạt được tâm niệm trụ hiện ở trước mắt.

3. Có tu thọ niệm trụ mà cũng tu tâm niệm trụ, nghĩa là chưa đạt được thân-thọ tâm niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, mà tu thọ-tâm.

4. Không tu thọ niệm trụ cũng không tu tâm niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thân-pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, không tu thọ tâm. Tất cả tâm ô nhiễm, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh vô tướng thiên.

Hỏi: Nếu tu thọ niệm trụ thì lúc ấy là pháp niệm trụ chăng? Nếu tu pháp niệm trụ thì lúc ấy là thọ niệm trụ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu thọ niệm trụ mà không tu pháp niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thọ niệm trụ hiện ở trước mắt.

2. Có tu pháp niệm trụ mà không tu thọ niệm trụ, nghĩa là đã đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, mà không tu thọ.

3. Có tu thọ niệm trụ, cũng tu pháp niệm trụ, nghĩa là chưa đạt được thân, tâm niệm trụ hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được pháp niệm trụ hiện ở trước mắt, mà tu thọ.

4. Không tu thọ niệm trụ cũng không tu pháp niệm trụ, nghĩa là đã đạt được thân-tâm niệm trụ hiện ở trước mắt. Tất cả tâm ô nhiễm-tâm

vô ký, ở định vô tướng-định diệt tận, sinh Vô tướng thiên.

Như thọ niệm trụ đối với pháp niệm trụ; nên biết tâm niệm trụ đối với pháp niệm trụ cũng như vậy.

Đối với thân thuận theo thân quán niệm trụ, nên nói là pháp-loại-thế tục-khổ-tập-đạo trí; nên nói là có tâm-có tứ; không có tâm-chỉ có tứ; không có tâm- không có tứ; nên nói tương ứng với lạc căn, hỷ căn, xả căn; nên nói là Tam-ma-địa Không-Vô nguyện, Vô tướng đều có; nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục, Sắc và không hệ thuộc. Đối với thọ, thuận theo thọ quán niệm trụ, nên nói là pháp, loại, tha tâm-thế tục-khổ-tập-đạo trí; nên nói là có tâm-có tứ; không có tâm-chỉ có tứ; không có tâm- không có tứ; nên nói là tương ứng với lạc căn, hỷ căn, xả căn; nên nói là Tam-ma-địa Không-Vô nguyện đều có; nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc. Như đối với thọ, đối với tâm cũng như vậy. Đối với pháp, thuận theo pháp, quán niệm trụ, nên nói là pháp-loại-tha tâm-thế tục-khổ-tập-diệt-đạo trí; nên nói là có tâm- có tứ, không có tâm-chỉ có tứ; không có tâm-không có tứ; nên nói tương ứng với lạc căn, hỷ căn, xả căn; nên nói là Tam-ma-địa Không-Vô nguyện, Vô tướng đều cùng có; nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc.

Như nói về lúc thọ lạc thọ, như thật biết là mình thọ lạc thọ, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí. Lúc thọ khổ thọ, như thật biết là mình thọ khổ thọ, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Lúc thọ bất khổ bất lạc thọ, biết như thật là mình thọ bất khổ bất lạc thọ, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Thân thọ lạc-thân thọ khổ-thân thọ bất khổ bất lạc thọ và lúc tâm thọ khổ, biết như thật là đang thọ, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Lúc tâm thọ lạc-tâm thọ bất khổ bất lạc thọ, biết như thật đang thọ, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Thọ lạc có ý vị-thọ khổ có ý vị-thọ bất khổ bất lạc thọ có ý vị và lúc thọ khổ không có ý vị, biết như thật là đang thọ, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Lúc thọ lạc không có ý vị-thọ bất khổ lạc thọ không có ý vị, như thật biết là đang thọ, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Lúc thọ lạc dựa vào sự ham thích-thọ khổ dựa vào sự ham thích-thọ bất khổ bất lạc thọ dựa vào sự ham thích và thọ khổ dựa vào sự tách rời, biết khổ bất lạc thọ dựa vào sự ham thích và thọ khổ dựa vào sự tách rời, biết như thật là đang thọ, đây là do một trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Như nói rằng tâm có tham, biết như thật là tâm có tham, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Tâm lìa tham, biết như thật là tâm lìa tham, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí. Như tâm có tham-tâm lìa tham, cần phải biết. Tâm có si-tâm lìa si, tâm nhiễm-tâm không nhiễm, tâm sơ suất-tâm tán loạn, tâm thấp xuống-tâm cao lên, tâm nhỏ bé-tâm rộng lớn-tâm dao động-tâm không vắng lặng, tâm định-tâm bất định, tâm tu-tâm-tâm không tu, tâm giải thoát-tâm không giải thoát, cũng như vậy.

Tâm có sân, như thật biết là tâm có sân, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Tâm lìa sân, như thật biết là tâm lìa sân, đây là do ba trí, đó là pháp-thế tục và đạo trí.

Như nói rằng bên trong có cái tham dục, biết như thật là bên trong có Cái tham dục, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Bên trong không có cái tham dục, biết như thật là bên trong không có Cái tham dục, đây là do ba trí, đó là pháp-thế tục và đạo trí. Như bên trong chưa sinh Cái tham dục mà sinh, biết như thật về điều này, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi sau không sinh nữa, biết như thật về điều này, đây là do ba trí, đó là pháp-thế tục và đạo trí.

Như cái tham dục, nên biết cái giận dữ- hôn trầm-thụy miên-trạo cử-ố tác và nghi, cũng như vậy.

Như nói về bên trong có kiết của nhãn, như thật biết là bên trong có kiết của nhãn, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Bên trong không có kiết của nhãn như thật biết là bên trong không có kiết của nhãn, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí. Như bên trong chưa sinh kiết của nhãn mà sinh, biết như thật về điều này, đây là do một trí, đó là thế tục trí. Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi sau không sinh nữa, như thật biết về điều này, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Như kiết của nhãn, nên biết của nhĩ-thân-ý cũng như vậy. Kiết của tử-thiệt như nói về Cái.

Như nói rằng bên trong có các giác chi như Niệm..., biết như thật là bên trong có các giác chi như Niệm..., đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Bên trong không có các giác chi như Niệm..., như thật biết là bên trong không có các giác chi như Niệm..., đây là do một trí, đó là thế tục trí.

Như Niệm giác chi... chưa sinh mà sinh, sinh rồi trụ vững không quên, làm cho nên mãi tăng thêm trí rộng ra tác chứng, đây là do bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục và đạo trí.

Như niệm giác chi, nên biết rằng Trạch pháp-Tinh tiến-Hỷ-Khinh an-Định và Xả, cũng như vậy.

Hỏi: Như nói về cùng thuận theo quán tự tham-sân-si tăng lên, thế nào là tham-sân-si tăng lên?

Đáp: Vì có tham-sân-si trói buộc thuộc phẩm hạ cho nên có phẩm trung, vì có phẩm trung cho nên có phẩm thượng, đó là tăng.

Hỏi: Như nói cùng thuận theo quán tự tham-sân-si giảm bớt, thế nào là tham-sân-si giảm bớt?

Đáp: Vì không có tham-sân-si trói buộc thuộc phẩm thượng cho nên không có phẩm trung, vì không có phẩm trung cho nên không có phẩm hạ, Đó gọi là giảm.

Hỏi: Thế nào là thọ biên tế tử?

Đáp: Do mạng ma (Marman, tử huyết) này đoạn mà mạng căn diệt.

Hỏi: Tương đương với giới hạn nào, nên nói là thọ biên tế tử?

Đáp: Tương đương với giới hạn mạng ma ấy đoạn mà mạng căn diệt.

Hỏi: Thuộc về xứ nào?

Đáp: Pháp xứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thức tương ứng?

Đáp: Thân thức-ý thức. Đầu tiên mạng ma đoạn cảm thọ thì tương ứng với thân thức; cảm thọ sau cùng thì tương ứng với ý thức.

Hỏi: Tâm bát Niết-bàn của A-la-hán, nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Vì sao hai đệ tử bậc Hiền bát Niết-bàn trước, còn Phật thì sau?

Đáp: Vì lẽ hai Tôn giả ấy từ trước đã tạo tác tăng trưởng trong suốt nẻo sinh tử, chiêu cảm nghiệp không đoạn, chớ cho là trống rỗng, không có quả dị thực. Vả lại bởi vì pháp vốn như vậy.

Hỏi: Như nói: “Đức Thế Tôn dựa vào định Bất động tịch tịnh mà bát Niết bàn, ánh mắt của thế gian mất đi.” Đây là trong định hay là xuất định vậy?

Đáp: Xuất định.

Hỏi: Như nói bốn hữu là bốn hữu, tử hữu, trung hữu, sinh hữu.

Thế nào là bốn hữu?

Đáp: Trừ phần sinh-phần tử ra là các hữu trung gian của các uẩn.

Hỏi: Thế nào là tử hữu?

Đáp: Phần tử của các uẩn.

Hỏi: Thế nào là trung hữu?

Đáp: Trừ phần sinh-phần tử ra là các hữu trung gian của các uẩn.

Hỏi: Thế nào là sinh hữu?

Đáp: Phần sinh của các uẩn.

Hỏi: Các dục hữu, tất cả dục hữu đó là năm hành chăng? Nếu là năm hành thì tất cả năm hành ấy là dục hữu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có dục hữu mà không phải là năm hành, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trụ tâm nơi không đồng phần và trụ nơi định vô tướng, diệt tận.

2. Có năm hành mà không phải là dục hữu, nghĩa là trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi đồng phần, hoặc là trời Vô tướng, không đạt được vô tướng.

3. Có dục hữu cũng là năm hành, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trụ tâm đồng phần.

4. Không phải dục hữu cũng không phải năm hành, nghĩa là trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi không đồng phần và trụ nơi định vô tướng-diệt tận.

Hỏi: Nếu nơi Vô tướng thiên đạt được vô tướng, hoặc sinh cõi Vô sắc, thì các sắc hữu thuộc trời Hữu tướng, tất cả sắc hữu đó là năm hành chăng? Nếu là năm hành thì tất cả sắc hữu kia thuộc trời Hữu tướng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc hữu thuộc trời Hữu tướng mà không phải là năm hành, nghĩa là trời hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi không đồng phần và trụ định vô tướng, diệt tận.

2. Có năm hành, không phải sắc hữu thuộc trời Hữu tướng, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trụ tâm nơi đồng phần, hoặc là trời Vô tướng thì không được vô tướng.

3. Có sắc hữu thuộc trời Hữu tướng, cũng là năm hành, nghĩa là trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi phần đồng.

4. Không phải sắc hữu thuộc trời Hữu tướng cũng không phải là năm hành, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trụ tâm nơi không đồng phần và trụ nơi định vô tướng-diệt tận, hoặc là trời Vô tướng được vô tướng.

Hỏi: Nếu sinh cõi Vô sắc thì các sắc hữu thuộc trời Vô tướng, tất cả sắc hữu đó là hai hành chăng? Nếu là hai hành thì tất cả sắc hữu kia thuộc trời Vô tướng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc hữu thuộc trời Vô tướng mà không phải hai hành, nghĩa

là trời Vô tướng không đạt được vô tướng.

2. Có hai hành mà không phải là sắc hữu thuộc trời Vô tướng, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trụ tâm nơi không đồng phần và trụ nơi định vô tướng, diệt tận. Hoặc trời Hữu tướng cõi Sắc trụ tâm nơi không đồng phần và trụ định vô tướng-diệt tận.

3. Có sắc hữu thuộc trời Vô tướng, cũng là hai hành, nghĩa là trời Vô tướng đạt được vô tướng.

4. Không phải sắc hữu thuộc trời Vô tướng cũng không phải hai hành, nghĩa là hữu tình cõi Dục, trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm đồng phần, hoặc sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Các vô sắc hữu, thì tất cả vô sắc hữu ấy là bốn hành chăng?

Nếu là bốn hành, thì tất cả bốn hành là vô sắc hữu chăng?

Đáp: Đối với bốn hành, tất cả đó là vô sắc hữu. Có vô sắc hữu mà không phải là bốn hành, đó là hữu tình cõi Vô sắc, trụ tâm không đồng phần.

Hỏi: Có thể có thể có hữu là năm hành chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hữu tình cõi Dục và trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi phân đồng, hoặc là trời Vô tướng thì không được vô tướng.

Hỏi: Có thể có hữu là bốn hành chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hữu tình cõi Vô sắc, trụ tâm nơi phân đồng.

Hỏi: Có thể có hữu là ba hành chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có hữu là hai hành chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hữu tình cõi Dục và trời Hữu tướng cõi Sắc, trụ tâm nơi không đồng phần, hoặc trụ nơi định vô tướng-diệt tận, hoặc trời Vô tướng được vô tướng.

Hỏi: Có thể có hữu là một hành chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hữu tình cõi Vô sắc, trụ tâm nơi không đồng phần.

Hỏi: Có thể có hữu là vô hành chăng?

Đáp: Không có.

Phẩm 2: BÀN VỀ BA HỮU

*Ba hữu-tùy miên và mười tưởng,
Sáu tâm-mình cùng với vô minh,
Đối với nhân duyên có và không,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Đối với xả dục hữu-dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Dục diệt đi, đồng thời pháp cõi Dục hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả dục hữu-dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Dục diệt đi nhưng pháp cõi Dục hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Dục diệt đi và pháp cõi Dục hiện ở trước mắt mà không phải là xả dục hữu-dục hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Dục diệt đi và pháp cõi Dục hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả dục hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Dục diệt đi, pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả dục hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Dục diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Dục diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt mà không phải là xả dục hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Dục diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả dục hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Dục diệt đi, pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp cõi Dục diệt đi, pháp cõi vô sắc hiện ở trước mắt, lúc ấy tất cả là xả dục hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Đối với xả sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi sắc diệt đi, đồng thời pháp cõi sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi sắc diệt đi, pháp cõi sắc hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt mà không phải là xả sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả sắc hữu-dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi sắc diệt đi, pháp cõi Dục hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả sắc hữu-dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Sắc diệt đi, pháp cõi Dục hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Dục hiện ở trước mắt mà

không phải là xả sắc hữu-dục hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Dục hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả sắc-vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Sắc diệt đi, pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả sắc hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi Sắc diệt đi, pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt mà không phải là xả sắc hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Sắc diệt đi và pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả vô sắc hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi vô sắc diệt đi, đồng thời pháp cõi vô sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả vô sắc hữu-vô sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi vô sắc diệt đi, pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Vô sắc diệt đi và pháp cõi Vô sắc hiện ở trước mắt mà không phải là xả vô sắc hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Vô sắc diệt đi và pháp cõi vô sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Đối với xả vô sắc hữu-dục hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi vô sắc diệt đi, pháp cõi Dục hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp cõi Vô sắc diệt đi, pháp cõi Dục hiện ở trước mắt, thì lúc ấy tất cả là xả vô sắc hữu-dục hữu nối tiếp nhau chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Đối với xả vô sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi vô sắc diệt đi, pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt chăng?

Đáp: Vào lúc xả vô sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, lúc ấy tất cả pháp cõi vô sắc diệt đi, pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt.

Có lúc pháp cõi Vô sắc diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt mà không phải là xả vô sắc hữu-sắc hữu nối tiếp nhau, nghĩa là không mạng chung mà pháp cõi Vô sắc diệt đi và pháp cõi Sắc hiện ở trước mắt.

Hỏi: Vì lẽ gì tùy miên cõi Dục không tùy tăng đối với pháp cõi Sắc-Vô sắc?

Đáp: Vì cõi sẽ trở nên tạp loạn và thuận theo không thể thiết lập, do đã lìa nhiễm dục.

Hỏi: Vì lẽ gì tùy miên cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp cõi Dục?

Đáp: Vì cõi sẽ trở thành tạp loạn và thuận theo không thể thiết lập, do đã lìa nhiễm dục.

Hỏi: Vì lẽ gì tùy miên cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp cõi Vô sắc?

Đáp: Vì cõi sẽ trở thành tạp loạn và cũng không thể nhận biết, vì đã lìa nhiễm sắc.

Hỏi: Vì lẽ gì tùy miên cõi Vô sắc không tùy tăng đối với pháp cõi Dục, cõi Sắc?

Đáp: Vì cõi sẽ trở thành tạp loạn và thuận theo không thể thiết lập, do đã lìa sắc nhiễm.

Hỏi: Vì lẽ gì tùy miên bất biến hành thuộc cõi Dục không tùy tăng đối với pháp cõi Dục?

Đáp: Vì tùy miên ấy đã hợp thành biến hành và tùy miên ấy không phải sở duyên của tùy tăng này.

Hỏi: Vì sao tùy miên bất biến hành thuộc cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp cõi Sắc?

Đáp: Như trước đã nói tùy miên không biến hành thuộc cõi Vô sắc, nói rộng cũng như vậy.

Có mười tướng là tướng về vô thường cho đến tướng về diệt.

Hỏi: Nếu tu tập tướng về vô thường, thì lúc ấy tư duy về tướng vô thường chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tu tập tướng về vô thường mà không tư duy về tướng vô thường, nghĩa là duyên vào pháp khác mà tu tướng về vô thường.

2. Có tư duy về tướng vô thường mà không tu tập tướng về vô thường, nghĩa là duyên vào tướng về vô thường mà tu tướng khác.

3. Có tu tướng về vô thường cũng tư duy về tướng vô thường, nghĩa là duyên tướng về vô thường mà tu tướng về vô thường.

4. Không tu tướng về vô thường cũng không tư duy về tướng vô thường, nghĩa là trừ các tướng trước.

Như tướng về vô thường, tướng về vô thường khổ, tướng về khổ vô ngã cũng như vậy. Tướng về chết, tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn, tướng về tất cả thế gian là không đáng vui, tướng về đoạn, tướng về lìa, tướng về diệt cũng tùy theo sự việc, nên biết.

Hỏi: Nếu dấy khởi tâm dục, thì lúc ấy tư duy về tâm dục chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có dấy khởi tâm dục mà không tư duy về tâm dục, nghĩa là duyên vào pháp khác, dấy khởi tâm dục.

2. Có tư duy về tâm dục mà không dấy khởi tâm dục, nghĩa là duyên tâm dục dấy khởi tâm khác.

3. Có dấy khởi tâm dục cũng tư duy về tâm dục, nghĩa là duyên vào tâm dục dấy khởi về tâm dục.

4. Không dấy khởi tâm dục cũng không tư duy về tâm dục, nghĩa là trừ các tướng trước.

Như tâm dục; tâm giận dữ, tâm hại, tâm xuất ly, tâm không có giận dữ, tâm không có hại cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp là nhân vô minh thì pháp đó duyên với vô minh chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân vô minh, thì pháp đó duyên với vô minh. Có pháp duyên với vô minh mà không phải là nhân vô minh, nghĩa là trừ dị thực vô minh còn lại các hành vô phú-vô ký và hành thiện.

Hỏi: Các pháp là nhân vô minh thì pháp đó duyên với minh chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân vô minh, thì pháp đó duyên với minh. Có pháp duyên với minh mà không vô nhân minh, nghĩa là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp là nhân vô minh thì pháp đó duyên với minh chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân vô minh, thì pháp đó duyên với vô minh. Có pháp duyên với vô minh, không phải là nhân vô minh, nghĩa là trừ dị thực nơi vô minh, các hành vô phú, vô ký khác và hành thiện.

Hỏi: Các pháp là nhân vô minh thì pháp đó duyên với vô minh chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân vô minh, thì pháp đó vô duyên minh. Có pháp duyên vô minh, không nhân minh, nghĩa là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp là nhân vô minh thì pháp đó là bất thiện chẳng?

Đáp: Nếu pháp là bất thiện, thì pháp đó là nhân vô minh. Có thể có là nhân vô minh, không phải là bất thiện, nghĩa là dị thực nơi vô minh, và hành hữu phú, vô ký.

Hỏi: Các pháp là nhân minh thì pháp đó là thiện chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân minh thì pháp đó là thiện. Có pháp thiện mà không phải là nhân minh, nghĩa là minh đầu tiên và hành hữu lậu thiện.

Hỏi: Có thể có pháp không phải là nhân minh cũng không phải là nhân vô minh, thì pháp đó không phải là không có nhân chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là trừ dị thực vô minh còn lại các hành vô phú vô ký và minh đầu tiên, hành hữu lậu thiện.

Phẩm 3: BÀN VỀ TƯỚNG

*Tướng-tâm-biết khắp gồm có bốn,
Không có duyên-pháp-kiến và nghi,
Nhân đạo cùng thâm nhiếp có ba,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, thì pháp đó tương ứng với tướng về vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do tướng về vô thường sinh mà không tương ứng với tướng về vô thường, nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh pháp tương ứng kia.

2. Có pháp tương ứng với tướng về vô thường mà không do tướng về vô thường sinh, nghĩa là tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ phải diệt, tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh pháp tương ứng kia.

3. Có pháp do tướng về vô thường sinh, cũng tương ứng với tướng về vô thường, nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh pháp tương ứng kia.

4. Có pháp không do tướng về vô thường sinh, cũng không tương ứng với tướng về vô thường, nghĩa là tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh pháp tương ứng kia.

Như tướng về vô thường, cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, thì pháp đó là một duyên với tướng về vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do tướng về vô thường sinh mà không phải một duyên với tướng về vô thường, nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh, tướng kia có duyên khác.

2. Có thể có là một duyên với tướng về vô thường mà không do tướng về vô thường sinh, nghĩa là tướng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ phải diệt, tướng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh, tướng kia có duyên này.

3. Có pháp do tướng về vô thường sinh, cũng là một duyên với

tưởng về vô thường, nghĩa là tưởng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tưởng về vô thường hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh, tưởng kia có duyên này.

4. Có pháp không do tưởng về vô thường sinh, cũng không phải một duyên với tưởng về vô thường, nghĩa là tưởng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ diệt, tưởng khác hiện ở trước mắt nhất định sẽ sinh, tưởng kia có duyên khác.

Như tưởng về vô thường; cho đến tưởng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp do tâm dấy khởi, không pháp nào là không do tâm, hoặc vào lúc tâm dấy khởi, thì bấy giờ, pháp kia dấy khởi chăng?

Đáp: Tâm dấy khởi trước, pháp kia dấy khởi sau.

Hỏi: Nếu khi tâm diệt, thì bấy giờ pháp kia diệt chăng?

Đáp: Tâm diệt trước, pháp kia diệt sau.

Hỏi: Nếu khi tâm đạt được, thì bấy giờ pháp kia đạt được chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp kia đạt được sau.

Hỏi: Nếu khi tâm bỏ, thì bấy giờ pháp kia bỏ chăng?

Đáp: Pháp kia bỏ trước, rồi sau mới đến tâm.

Hỏi: Nếu khi tâm cảm thọ dị thực, thì bấy giờ là pháp kia chăng?

Đáp: Hoặc lúc ấy, hoặc khi khác.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, không phải là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hư không phi trạch diệt.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là trạch diệt.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp mà không phải là đã đoạn, là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là pháp hữu vi vô lậu.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp cũng là đã đoạn, là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là hành hữu lậu thiện.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp cũng là đã đoạn, không phải là đã tu nhưng là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là định đã dấy khởi thiên nhãn và thiên nhĩ.

Hỏi: Có thể có là đã thông đạt, đã biết khắp cũng là đã đoạn mà không phải là đã tu, không phải là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là trừ ra định đã dấy khởi thiên nhãn và thiên nhĩ, còn lại hành vô ký và pháp bất thiện.

Hỏi: Có pháp không có duyên với nhân duyên, không có duyên với pháp duyên, không có duyên với pháp câu sinh mà là có, là tánh có, không phải không có, không phải không có tánh, khác sắc, khác thọ-tưởng-thức, tương ứng với hành khác chăng?

Đáp: Có, nghĩa là năm thức thân, pháp tương ứng năm thức thân kia, và duyên với Sắc-Vô vi, tâm bất tương ứng hành, thân ý thức, pháp tương ứng với ý thức kia, vốn có sinh-lão-trụ-vô thường. Pháp này không có duyên với nhân duyên, không có duyên với pháp duyên, không có duyên với pháp câu sinh mà là có, là tánh có, không phải không có, không phải không có tánh, khác sắc, khác thọ-tưởng-thức, tương ứng với hành khác.

Hỏi: Pháp này đối với pháp kia nên nói là nhân hay nói là duyên?

Đáp: Nên nói là nhân, nên nói là duyên.

Hỏi: Pháp này nên nói là thiện, là bất thiện, hay là vô ký?

Đáp: Đối với pháp thiện nên nói là thiện, đối với pháp bất thiện nên nói là bất thiện, đối với pháp vô ký nên nói là vô ký.

Hỏi: Pháp này có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Tùy miên tùy tăng duyên hữu lậu thuộc ba cõi, có chín kiết trói buộc.

Hỏi: Kiến tương ứng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Duyên hữu lậu thuộc ba cõi và kiến duyên với vô lậu, tùy miên tùy tăng vô minh tương ứng với kiến kia.

Hỏi: Kiến không tương ứng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ ra kiến duyên vô lậu, vô minh tương ứng với kiến kia, còn lại tùy miên tùy tăng.

Hỏi: Nghi tương ứng với thọ, có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Duyên hữu lậu do kiến mà đoạn thuộc ba cõi và nghi duyên vô lậu, là tùy miên tùy tăng vô minh tương ứng với kiến kia.

Hỏi: Nghi không tương ứng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ ra duyên vô lậu, nghi tương ứng với vô minh, còn lại tùy miên tùy tăng.

Hỏi: Pháp duyên khởi dựa vào đạo, thâm nhiếp bao nhiêu giới-xứ-uẩn?

Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, trừ ra nhãn xúc cùng

dấy khởi tướng-thọ, tâm tương ứng với pháp và nhĩ xúc cùng dấy khởi tướng-thọ, tâm không tương ứng với pháp.

Hỏi: Pháp còn lại thân nhiếp bao nhiêu giới-xứ-uẩn?

Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, cho đến trừ ra thân xúc cùng dấy khởi tướng-thọ, tâm tương ứng với pháp, và ý xúc cùng dấy khởi tướng-thọ, tâm không tương ứng với pháp.

Hỏi: Pháp còn lại thân nhiếp bao nhiêu giới-xứ-uẩn? Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

